

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hóc Môn, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Bản án số: 288/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Quý.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Lâm Minh Thư, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 509/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn K, sinh năm 1983.

Thường trú: 80/3B khu phố 1, thị trấn N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1983.

Thường trú: 225 khu phố 2, phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Nơi ở hiện nay: 80/3B khu phố 1, thị trấn N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn K trình bày:

Bà và ông Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày 22/12/2009 tại UBND thị trấn N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi xây dựng gia đình, bà và ông T sống chung tại nhà riêng, địa chỉ 80/3B khu phố 1, thị trấn N, huyện H đến nay. Ngay từ ngày đầu về sống chung, bà và ông T đã xảy ra những mâu thuẫn nhỏ do cùng tuổi và cái tôi mỗi người đều lớn nên thường xuyên bất hòa. Ông T có tính gia trưởng, hay áp đặt nên bà cảm thấy rất ngột ngạt khi sống cùng. Khi đó, bà có 02 con nhỏ nên cố gắng chịu đựng cho qua. Đỉnh điểm mâu thuẫn xảy ra vào năm 2016, ông T có quan hệ bên ngoài, hai bên gia đình nội ngoại đều khuyên can để hai con có cả cha lẫn mẹ. Đến năm 2018, chuyện quan hệ bên ngoài của ông T lại tiếp tục nên đẩy mâu thuẫn giữa hai bên lên cao điểm. Kể từ thời gian ấy, bà cố gắng để con cái lớn hơn. Bản thân bà cũng cố gắng vượt qua, cho hai bên cơ hội để hàn gắn, hòa giải nhưng không thay đổi được không khí ngột ngạt giữa hai vợ chồng.

Hiện tại, bà nhận thấy cuộc sống chung quá mệt mỏi, không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân bà không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông T. Do đó, bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn X, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn M, sinh ngày 13/3/2014. Bà đồng ý giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà tự nguyện chịu.

Tại phiên tòa, bà K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T.
- Về con chung: Đồng ý giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn X và Nguyễn M, bà K tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà K tự nguyện chịu.

* Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, bị đơn là ông Nguyễn T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông và K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2009 tại UBND thị trấn N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi xây dựng gia đình, hai bên sống chung tại nhà riêng, địa chỉ 80/3B khu phố 1, thị trấn N, huyện H đến nay. Vợ chồng cùng hai con sống với nhau rất hạnh phúc cho đến hiện tại.

Mặc dù trong quá trình chung sống không tránh khỏi những khó khăn nhưng cả gia đình vợ chồng con cái đã vượt qua để cùng nhau chung sống đến hiện tại. Trong quá trình công tác, ông có mối quan hệ thân với một vài người bạn nữ nên đã dẫn đến sự tổn thương cho vợ của mình. Nhưng ông cam đoan

những mối quan hệ đó không ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Năm 2020 đến nay, ông đã ở nhà để kinh doanh tại nhà và để tiện chăm sóc gia đình, con cái được tốt hơn. Trong đơn của vợ có đề cập là ông gia trưởng. Tuy nhiên, đó là những lời nói thật lòng từ tình cảm của người chồng dành cho vợ. Ông muốn được quan tâm và chăm sóc cả những điều nhỏ nhoi nhất đối với vợ nên thường xuyên nhắc nhở, góp ý ngay khi vợ làm không đúng để vợ tốt và đẹp hơn mà không vì mục đích tạo ra mâu thuẫn hay khó chịu, áp lực cho gia đình.

Ngoài những vấn đề trên, mọi tình thương của vợ chồng, con cái dành cho nhau vẫn rất tốt. Ông mong được sự hỗ trợ hòa giải để gia đình có cơ hội sống cùng nhau, để con cái có sự yêu thương, chăm sóc đầy đủ của cha và mẹ. Mong vợ chồng hiểu nhau hơn và cùng chung tay chăm sóc gia đình. Ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn X, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn Mng, sinh ngày 13/3/2014. Nếu nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, quan điểm cá nhân không thay đổi, không bỏ qua những mâu thuẫn với bị đơn và có ý muốn rời xa, chia lìa vợ chồng con cái thì ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà K chịu.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông thừa nhận là cuộc sống vợ chồng cũng có những mâu thuẫn, hiểu lầm xảy ra nhưng đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Ông giữ nguyên quan điểm là không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông không đồng ý ly hôn nên mong muốn con chung được cả cha và mẹ chăm sóc, được ở chung cả cha và mẹ. Ông không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà K chịu.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn K khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn T, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ông Nguyễn T là bị đơn hiện đang cư trú tại thị trấn N, huyện Hóc Môn nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn K và ông Nguyễn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 174, quyển số 1/2009 ngày 22/12/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn K thì trong quá trình chung sống, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn, ông T có tính gia trưởng, hay áp đặt nên bà cảm thấy rất ngột ngạt khi sống cùng. Ông T cũng thừa nhận trong quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn xảy ra nhưng theo ông đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Ông muốn Tòa án tiến hành hòa giải để hai bên được hàn gắn, cùng nhau chăm sóc gia đình và các con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để bà K và ông T có thể hàn gắn gia đình, hòa giải những mâu thuẫn giữa hai bên, cùng nhau tiếp tục chung sống vợ chồng. Tuy nhiên, bà K trình bày là không còn yêu thương, không còn muốn chung sống cùng ông T, bà K kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T. Xét thấy hôn nhân giữa bà K và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn K là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà K và ông T có 02 con chung tên Nguyễn X, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn M, sinh ngày 13/3/2014. Bà K đồng ý giao cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bà K tạm thời không cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình Tòa án hòa giải, ông T trình bày nêu bà K vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai đề ngày 11/3/2022, trẻ X và trẻ M có nguyện vọng được ở cùng ông T nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông T không đồng ý ly hôn và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Các bên đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm : Án phí ly hôn do bà Nguyễn K chịu theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn K và ông Nguyễn T.
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn X, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn M, sinh ngày 13/3/2014 cho ông Nguyễn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trẻ X và trẻ M lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn K chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0075087 ngày 11/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;
- UBND thị trấn N, huyện H
(giấy chứng nhận kết hôn số 174
ngày 22/12/2009);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Ngọc Thương**